

ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN XÃ HỘI ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

THE EFFECT OF SOCIAL CAPITAL ON THE ENTERPRISE INTENTION OF STUDENTS MAJORING IN ECONOMICS AT HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Nguyễn Thị Minh Hiếu¹, Nguyễn Thị Anh¹, Bùi Bích Hương¹,
Đỗ Thị Thúy Hồng¹, Bùi Thị Huyền¹, Ngô Văn Quang^{2,*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu xác định các nhân tố của vốn xã hội ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Dữ liệu nghiên cứu thu thập từ 210 sinh viên tại Trường. Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy đa biến được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy những nhân tố vốn xã hội ảnh hưởng dương đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua nhân tố môi trường giáo dục đại học. Đặc biệt là nhân tố vốn cảm nhận tính khả thi khi được môi trường giáo dục tác động vào thái độ ý định khởi nghiệp của sinh viên tương quan với tính khả thi của dự án kinh doanh.

Từ khóa: Vốn xã hội, khởi nghiệp, ý định khởi nghiệp.

ABSTRACT

The research was conducted with the aim of determining the factors of social capital affecting the entrepreneurial intention of students majoring in economics at Hanoi University of Industry. Research data collected from 210 students. The methods of Cronbach's Alpha test, exploratory factor analysis (EFA) and multivariate regression analysis were used in this research. The research results show that the factors of social capital have a positive influence on the intention to start a business of students through the factors of higher education environment. Especially, the factor that feels feasible when being influenced by the educational environment on students' attitudes and intentions to start a business is correlated with the perceived feasibility of business projects.

Keynotes: Social Capital, entrepreneurship, entrepreneurship intention.

¹Lớp DH Quản trị Kinh doanh 02- K13, Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Khoa Quản lý Kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: quangnv@hau.edu.vn

1. GIỚI THIỆU

Trong nhiều năm qua, lĩnh vực khởi nghiệp được các nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm. Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn đến khởi nghiệp là vốn xã hội.

Hiện nay khái niệm vốn xã hội đã có tác động thế nào và có ảnh hưởng ra sao đến khởi nghiệp vẫn là một vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Nghiên cứu mối quan hệ giữa vốn xã

hội và khởi nghiệp là một nhu cầu cấp thiết. Việc khám phá và đo lường mức độ ảnh hưởng của vốn xã hội đến ý định khởi nghiệp của sinh viên cụ thể là sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) không những đặt cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách tạo lập môi trường khởi nghiệp mà còn giúp chúng ta có cái nhìn trực diện về ảnh hưởng của nó, từ đó đề ra các giải pháp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên.

Chính vì vậy, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của vốn xã hội đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trước hết là Francis Fukuyama (2002) với nghiên cứu "Social Capital and Development: The Coming Agenda" "vốn xã hội và phát triển - chương trình nghị sự sắp tới", đề cập đến khái niệm vốn xã hội: cụ thể là vốn xã hội ngày nay đứng ở đâu, nó tương tác như thế nào với các yếu tố khác trong sự phát triển quốc tế và có đóng góp như thế nào vào tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo trong tương lai.

Theo nhà xã hội học James Coleman, vốn xã hội đề cập đến khả năng làm việc nhóm của mọi người cùng nhau. Tác giả nhấn mạnh đến tính tích cực của vốn xã hội. Qua một nghiên cứu khác với tiêu đề "vốn xã hội, xã hội dân sự và phát triển" Fukuyama khẳng định vốn xã hội là những chuẩn mực không chính thức thúc đẩy sự hợp tác giữa cá nhân.

Tiếp đến theo Gaute Torsvik (2000), vốn xã hội là một khái niệm mang tính thời sự trong phát triển kinh tế. Vốn xã hội có thể tạo ra hai loại niềm tin, cả hai đều có thể làm giảm chi phí giao dịch. Điều quan trọng là phải giữ cho hai nguồn tín chấp này khác nhau, vì các chính sách phát triển sử dụng vốn xã hội có những tác động khác nhau, tùy thuộc vào cơ sở của lòng tin.

Bên cạnh đó với De Carolis, D. M. và Saporito, P. (2006) trong nghiên cứu "Social capital, cognition, and entrepreneurial opportunities: A theoretical framework" -

"Vốn xã hội, nhận thức và cơ hội kinh doanh - Khung lý thuyết" đã đề cập đến tầm quan trọng của vốn xã hội và quan hệ mạng lưới đối với việc tạo ra các liên doanh mới.

Ngoài các nghiên cứu tổng quan từ các tác phẩm nước ngoài nhóm nghiên cứu còn tham khảo một số các nghiên cứu trong nước. Trần Hữu Quang (2006) với nghiên cứu "Tìm hiểu khái niệm vốn xã hội". Theo ông bàn về vốn xã hội trong mối quan hệ với chuẩn mực, sự cố kết và hợp tác, phân tích vốn xã hội trong bối cảnh văn hóa - xã hội và các định chế xã hội. Nghiên cứu "Vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội qua một số nghiên cứu ở Việt Nam" của Lê Ngọc Hùng (2008) bàn về các quan niệm khác nhau về vốn xã hội. Tác giả đề cập đến mô hình tổng hợp về vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội.

Bùi Thị Thu Loan và cộng sự (2018) đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nghiên cứu đã góp phần cung cấp bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng của các yếu tố (trải nghiệm cá nhân, khả năng chấp nhận rủi ro-những khía cạnh thể hiện khuynh hướng tinh thần doanh nhân) có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của giới trẻ.

Nguyễn Thu Thủy (2015), "Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tiềm năng khởi sự của sinh viên đại học". Nghiên cứu đã kiểm định 8 nhân tố tác động tới tự tin KSKD sắp xếp theo mức độ tác động giảm dần là (1) năng lực khởi sự, (2) mức độ tham gia hoạt động ngoại khóa, (3) ý kiến xung quanh, (4) truyền cảm hứng trong trường đại học, (5) được học môn KSKD, (6) mức độ thực tế của chương trình học, (7) hình mẫu chủ doanh nghiệp và (8) ngành học.

Mặc dù đã có rất nhiều các nghiên cứu về mối quan hệ giữa vốn xã hội và các yếu tố khác. Tuy nhiên, vốn xã hội tác động như thế nào và có ảnh hưởng ra sao đến khởi nghiệp thì vẫn còn là một câu hỏi cần phải giải đáp. Nhóm tác giả đã nghiên cứu ảnh hưởng của vốn xã hội đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Hiện nay, làn sóng khởi nghiệp đã và đang lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng doanh nghiệp và thế hệ trẻ của Việt Nam. Chính phủ Việt Nam luôn dành sự quan tâm, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ và nỗ lực để thúc đẩy việc khởi nghiệp trong giới trẻ. Tuy nhiên, quyết định thành lập doanh nghiệp khi còn trẻ, đặc biệt đối với sinh viên trong các trường Đại học luôn ẩn chứa nhiều nguy cơ thất bại và đòi hỏi một mức độ nhất định về kỹ năng, kiến thức và động cơ thực hiện của cá nhân đó. Vì vậy cần có những nghiên cứu đến các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động khởi nghiệp của sinh viên, nhằm giúp cá nhân sinh viên, nhà trường và cơ quan Nhà nước hiểu được cơ chế, nguyên nhân và từ đó có các giải pháp phù hợp trong tổ chức hoạt động đào tạo, phát triển các hoạt động khởi nghiệp theo hướng tích cực, có hiệu quả.

2.2. Cơ sở lý luận

2.2.1. Vốn xã hội

Khi nhắc đến cụm từ "Vốn xã hội", người ta thường xét đến hai khía cạnh là "Vốn" và thứ hai là "xã hội".

Vốn được hiểu là những gì đã có sẵn, ở trong quỹ, trong kho hay ở đâu đấy được tích lũy hay tạo nên từ sự một quá trình, thiếu đặc tính có sẵn này (instantiated) thì không thể gọi là vốn.

Xã hội là một nhóm các cá nhân liên quan đến tương tác xã hội một cách thường xuyên, hoặc một nhóm xã hội lớn có chung lãnh thổ không gian hoặc xã hội, thường chịu cùng thẩm quyền chính trị và các kỳ vọng văn hóa chi phối.

Theo Nan Lin (2001) thì vốn xã hội được hiểu là "nguồn lực gắn với mạng lưới xã hội và được sử dụng bởi những người cho những hành động". Như vậy, vốn xã hội bao gồm 3 thành phần: đó là nguồn lực được gắn kết trong một cấu trúc xã hội, cá nhân có khả năng tiếp cận các nguồn lực và sử dụng hoặc huy động các nguồn lực này cho mục đích tìm kiếm lợi ích của mình và hành động của cá nhân là hành động có mục đích.

Vốn xã hội có thể thay thế các thể chế chính thức một cách hiệu quả. Vốn xã hội tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa mọi người, thúc đẩy sự lưu chuyển, lan tỏa của các nguồn lực, thông tin, các ý tưởng và công nghệ. Vốn xã hội tạo điều kiện cho sự phát triển của các hoạt động đổi mới sáng tạo. Vốn xã hội có tác động tích cực làm gia tăng vốn con người.

2.2.2. Khởi nghiệp

"Khởi nghiệp" được hiểu là khi ta bắt đầu một nghề nghiệp, một sự nghiệp nào đó. Nó không nhất thiết phải bắt buộc trong lĩnh vực kinh doanh, nó có thể là khởi nghiệp trong lĩnh vực khoa học, nghiên cứu, kỹ thuật... hay đơn giản là một người bắt đầu thực hiện ước mơ của mình.

Theo Shapero và Sokol (1982) thì tinh thần khởi nghiệp là quá trình mà cá nhân sẵn sàng tiên phong trong việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh hấp dẫn và khả thi mà họ nhận biết được. Một quan điểm khác xuất phát từ các lý thuyết về nhận thức xã hội (Social Cognitive Theory) của Bandura (1986), lý thuyết về hành vi dự định của Ajzen (1991) và lý thuyết về sự kiện khởi nghiệp của Shapero và Sokol (1982) cho rằng trước khi đi đến thực hiện một hành vi, con người phải có ý định về hành vi đó. Trong khi đó, ý định khởi nghiệp là bước đầu tiên trong quá trình khám phá, sáng tạo, khai thác cơ hội để khởi nghiệp và thành lập doanh nghiệp mới (Gartner, 1988). Các nghiên cứu cho thấy năng lực khởi nghiệp của sinh viên cần được đánh giá qua 03 giai đoạn: Giai đoạn hình thành ý định khởi nghiệp; Giai đoạn thúc đẩy ý định thành hành động khởi nghiệp; Giai đoạn hoạt động khởi nghiệp. Do đó, trên cơ sở các nghiên cứu trước đây, ý định khởi nghiệp trong nghiên cứu này là một cá nhân (tự mình hoặc cùng người khác), có khả năng sắp xếp các nguồn lực để nắm bắt được cơ hội kinh doanh mới, trên tinh thần đổi mới, sáng tạo để tạo một công việc kinh doanh riêng nhằm tạo việc làm, thu nhập và các giá trị cho riêng mình, đồng thời tạo ra giá trị có lợi cho nhóm khởi nghiệp, người lao động, cộng đồng.

2.2.3. Mối quan hệ giữa vốn xã hội và ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Ý định khởi nghiệp của sinh viên ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố trong đó có đặc điểm tính cách và môi trường bên ngoài khởi nghiệp, vốn xã hội lại có phần của hai yếu tố ảnh hưởng này. Bởi vậy ta hiểu đơn giản ở đây chính là mạng lưới xã hội giữa đối tượng có ý định khởi nghiệp (chính là sinh viên khối ngành Kinh tế của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội) với những sự tương tác đến người xung quanh như bạn bè, người thân hay một người quen nào đó. Hiểu được những đặc điểm và chức năng của vốn xã hội, chúng ta có thể phát huy những khía cạnh tích cực của vốn xã hội và hạn chế những mặt tiêu cực của vốn xã hội đối với sự phát triển cộng đồng/xã hội. Đồng thời có thể tạo điều kiện cho các thành viên của cộng đồng/xã hội tham gia tích cực hơn vào quá trình dân chủ, huy động được các nguồn lực to lớn, tiềm tàng trong các cá nhân, nhóm và các thể chế xã hội vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Tóm lại, những nghiên cứu trên đây cho thấy tầm quan trọng của vốn xã hội trong cuộc sống hàng ngày của cá nhân và cộng đồng, và vốn xã hội không chỉ là tổng số vốn con người của các thành viên trong một cộng đồng mà còn là khả năng giảm các cú sốc, khai thác các cơ hội và định hướng tới tương lai của một cộng đồng, của một cá nhân.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Thu thập dữ liệu thứ cấp thông qua các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan tới nghiên cứu nhằm làm rõ tính cấp thiết. Nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua phiếu điều tra khảo sát. Đối tượng là 150 - 200 sinh viên từ năm 2 đến năm 4 thuộc khối ngành kinh tế đang học tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Bảng hỏi được xây dựng dựa trên thang đo 5 mức độ của Likert: Hoàn toàn phản đối; Phản đối; Không ý kiến; Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý.

3.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu thu thập bằng cách khảo sát trực tuyến thông qua công cụ Google biểu mẫu, thu được thành công 210 phiếu trả lời câu hỏi. Sau đó dữ liệu sẽ được xử lý thông qua phần mềm SPSS. Nghiên cứu kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha để kiểm tra độ tin cậy và giá trị của thang đo và loại bỏ các biến quan sát không đạt độ tin cậy. Sau đó, tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) để kiểm tra tính đơn hướng của các thang đo trong nghiên cứu. Cuối cùng, nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính nhằm kiểm định mô hình nghiên cứu, các giả thuyết nghiên cứu và đo lường mức độ ảnh hưởng yếu tố vốn xã hội đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

3.3. Mô hình nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu:

Giả thuyết H1: Cảm nhận sự khát khao có tác động dương với ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

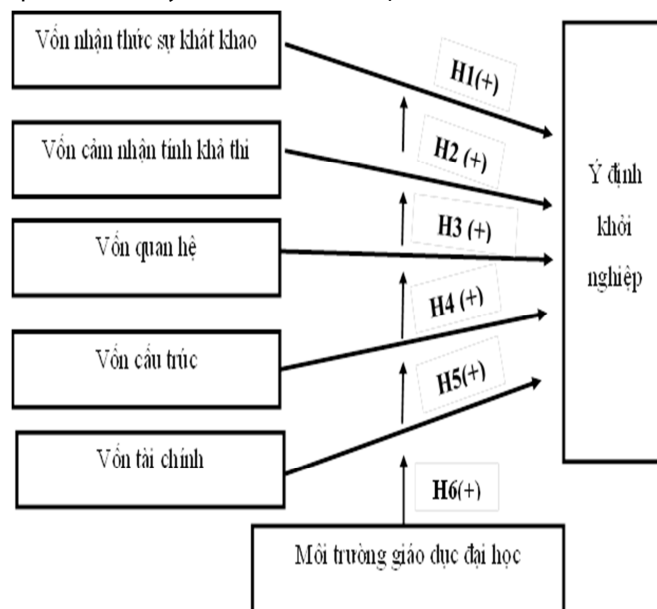
Giả thuyết H2: Vốn quan hệ có tác động dương đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Giả thuyết H3: Cảm nhận tính khả thi có tác động dương với ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Giả thuyết H4: Vốn cấu trúc có tác động dương đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Giả thuyết H5: Vốn tài chính có tác động dương đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Giả thuyết H6: Môi trường giáo dục đại học có ảnh hưởng dương đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua tất cả các yếu tố của vốn xã hội



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Các thang đo nghiên cứu được mô tả chi tiết trong bảng 1.

Bảng 1. Thang đo và nguồn gốc xây dựng thang đo

Thang đo	Mã hóa	Câu hỏi
Vốn cảm nhận sự khát khao	VKK1	Tôi luôn mong muốn khởi nghiệp hoặc có nhu cầu muốn tự chủ một doanh nghiệp
	VKK2	Tôi có nhu cầu muốn tự chủ một doanh nghiệp
	VKK3	Tôi tự tin về ý tưởng khởi nghiệp của mình
	VKK4	Định hướng xã hội giúp tôi nảy sinh ra ý tưởng khởi nghiệp
	VKK5	Tôi sẵn sàng chấp nhận rủi ro khi khởi nghiệp
	VKK6	Tôi tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của trường tổ chức để nâng cao kinh nghiệm bản thân.

Vốn cảm nhận tính khả thi	VKT1	Niềm tin vào sự thành công thúc đẩy tôi thực hiện ý định khởi nghiệp.
	VKT2	Niềm tin vào năng lực của bản thân tạo động lực thúc đẩy tôi khởi nghiệp
	VKT3	Niềm tin vào sự phù hợp của ý tưởng kinh doanh thúc đẩy tôi quyết tâm khởi nghiệp.
	VKT4	Lượng kiến thức và kỹ năng được tích lũy giúp tôi nhận thức được tính hợp lý khi quyết định khởi nghiệp
	VKT5	Việc học tập ở trường giúp tôi lượng hóa mức độ thành công của ý tưởng khởi nghiệp
	VKT6	Mạng lưới các mối quan hệ trong nhà trường của tôi thúc đẩy việc thực hiện ý định khởi nghiệp
Vốn quan hệ	VQH1	Người xung quanh bạn (gia đình, bạn bè) ảnh hưởng đến việc khởi nghiệp của tôi.
	VQH2	Người xung quanh ủng hộ làm tăng khả năng khởi nghiệp của tôi
	VQH3	Người xung quanh hỗ trợ làm tăng khả năng khởi nghiệp của tôi
	VQH4	Tôi quan tâm đến khởi nghiệp do ảnh hưởng từ người xung quanh
	VQH5	Người xung quanh đánh giá tôi cao hơn khi khởi nghiệp.
Vốn tài chính	VTC1	Tôi có thể vay mượn tiền từ bạn bè, người thân để khởi nghiệp
	VTC2	Tôi cho rằng khả năng tích lũy vốn từ tiết kiệm hay đi làm thêm đủ cho tôi khởi nghiệp
	VTC3	Tôi có khả năng xin huy động vốn từ nhiều nguồn
	VTC4	Tôi cho rằng tài chính là một yếu tố gây cản trở tới ý định khởi nghiệp
Vốn cấu trúc	VCT1	Tôi thấy Trường đại học công nghiệp luôn tạo cơ hội kết nối cho sinh viên được khởi nghiệp
	VCT2	Khi một doanh nghiệp tạo cơ hội cho sinh viên Nhà trường khởi nghiệp thì tôi sẽ tham gia.
	VCT3	Doanh nghiệp của tôi sẵn sàng chia sẻ tài nguyên với doanh nghiệp khác
	VCT4	Tôi rút ra được nhiều bài học từ việc tương tác giữa trường với các doanh nghiệp.
Môi trường giáo dục	GD1	Nhà trường cung cấp những kiến thức, kĩ năng cần thiết để khởi nghiệp
	GD2	Chương trình học chính ở trường trang bị cho tôi đủ kĩ năng để khởi nghiệp
	GD3	Trường thường tổ chức những hoạt động định hướng về khởi nghiệp cho sinh viên (các hội thảo, cuộc thi khởi nghiệp...)
	GD4	Nhà trường phát triển kĩ năng khởi nghiệp cho sinh viên
Thái độ với ý định khởi nghiệp	TD1	Là một doanh nhân có nhiều cái lợi hơn bất lợi
	TD2	Tôi cho rằng doanh nhân là nghề hấp dẫn
	TD3	Tôi sẽ trở thành doanh nhân khi có cơ hội
	TD4	Là một doanh nhân sẽ cho phép thỏa mãn các nhu cầu của tôi
	TD5	Là một doanh nhân có nhiều đóng góp cho xã hội

(Nguồn: Nhóm tác giả)

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Bảng 2. Thông tin mẫu nghiên cứu

Cơ cấu mẫu nghiên cứu	Số lượng	Tỷ lệ
Quản trị kinh doanh	87	40,3%
Kiểm toán, kế toán	40	18,5%
Marketing	31	14,4%
Quản trị văn phòng	30	13,9%
Quản trị nhân lực	17	7,9%
Tài chính ngân hàng	3	1,4%
Kinh tế đầu tư	8	3,7%

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Trong tổng số 216 phiếu khảo sát số lượng sinh viên ngành quản trị kinh doanh chiếm tỷ lệ cao nhất 40,3%, số lượng sinh viên ngành tài chính ngân hàng chiếm tỷ trọng ít nhất với 1,4%

4.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo

Kết quả kiểm tra Cronbach's Alpha cho thấy, tất cả các hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm biến quan sát đều lớn hơn 0,6. Nhìn chung các thành phần nghiên cứu đều đảm bảo độ tin cậy để thực hiện các phân tích cần thiết của nghiên cứu. Tất cả các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 và việc loại bất kỳ biến nào cũng sẽ làm giảm độ tin cậy của thang đo. Như vậy, các biến quan sát đảm bảo đủ độ tin cậy để tiến hành phân tích tiếp theo.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá trên phần mềm SPSS

Bảng 3. Kiểm định KMO và Bartlett's của biến phụ thuộc

Đo lường độ tin cậy của mẫu số bằng hệ số KMO		0,737
Kiểm định Bartlett's của mô hình	Hệ số chi bình phương xấp xỉ	295,589
	Df	10
	Sig.	0,000

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Kiểm định KMO trong bảng phân tích có hệ số KMO là 0,737 ($0,5 \leq KMO \leq 1$)

Và kiểm định Bartlett's là 0,000 ($< 0,05$) cho thấy phân tích nhân tố này là phù hợp.

Bảng 4. Kiểm định KMO và Bartlett's của biến độc lập và biến điều tiết

Đo lường độ tin cậy của mẫu số bằng hệ số KMO		0,930
Kiểm định Bartlett's của mô hình	Hệ số chi bình phương xấp xỉ	3599,055
	Df	561
	Sig.	0,000

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Kiểm định KMO trong phân tích có hệ số KMO là 0,930 ($0,5 \leq KMO \leq 1$)

Và hệ số sig của Bartlett là 0,000 (< 0,05) cho thấy phân tích nhân tố khám phá là phù hợp.

Bảng 5. Bảng chạy ma trận xoay lần 2 của các biến độc lập và điều tiết

Pattern Matrix ^a						
	Component					
	1	2	3	4	5	6
VKK2	.824					
VKK5	.755					
VKK4	.748					
VKK3	.745					
VKK1	.654					
VKK6	.502					
VKT2		.578				
VKT4		.846				
VKT3		.804				
VKT5		.767				
VKT6		.748				
VQH3			.730			
VQH5			.570			
VQH1			.852			
VQH2			.757			
VCT1				.733		
VCT4				.562		
VCT2				.793		
VCT3				.774		
VTC2					.539	
VTC4					.620	
VTC3					.543	
GD4						.681
GD6						.673
GD2						.652
GD5						.516
GD1						.764
GD3						.754

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Qua bảng, các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor loading > 0,5, thực tế đều $\geq 0,600$ cho thấy hệ số tương quan riêng giữa từng biến quan sát và từng nhân tố đại diện của nó đều ở mức tương đối chặt chẽ đến chặt chẽ. Vì vậy, có 5 nhân tố (là các biến độc lập) đại diện cho các biến quan sát tác động đến ý định khởi nghiệp qua sự điều tiết của môi trường giáo dục.

4.4. Phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy được thể hiện qua bảng 6.

Bảng 6. Bảng kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến

Coefficients ^a										
Model	Unstandardized Coefficients			Standardized Coefficients		Correlations			Collinearity Statistics	
	B	Std. Error		Beta	t	Sig.	Zero-order	Partial	Tolerance	VIF
1 (Constant)	-2.489	.106			-3.461	.000				
VKK	.055	.017	.133	.337	.001	.735	.228	.156	.129	1.758
VKT	.011	.021	.085	.513	.008	.719	.036	.024	.080	1.562
VQH	.026	.020	.200	.280	.021	.711	.089	.060	.089	1.207
VCT	.086	.020	.007	.044	.045	.692	.003	.002	.090	1.150
VTC	.006	.017	.044	.319	.030	.688	.022	.015	.113	1.880

a. Dependent Variable: TD

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Nếu VIF > 10 thì có hiện tượng đa cộng tuyến (Theo Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Tuy nhiên,

trên thực tế thực hành, chúng ta thường so sánh giá trị VIF với 2. Nếu VIF < 2 không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập (và ngược lại). Ở đây Vif luôn nhỏ hơn 2 nên có thể khẳng định không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Xem xét sự tác động của các yếu tố như thế nào đến mức độ ý định khởi nghiệp của sinh viên chung một cách trực tiếp sẽ được thực hiện bằng phương trình hồi quy tuyến tính:

PTHQ (chưa chuẩn hóa):

$$TD = -2,489 + 0,055 \cdot VKK + 0,011 \cdot VKT + 0,026 \cdot VQH + 0,086 \cdot VCT + 0,006 \cdot VTC$$

PTHQ (đã chuẩn hóa):

$$TD = 0,133 \cdot VKK + 0,085 \cdot VKT + 0,2 \cdot VQH + 0,007 \cdot VCT + 0,44 \cdot VTC$$

4.6. Kiểm định ảnh hưởng của môi trường giáo dục tình thần khởi nghiệp tại đại học thông qua 5 biến độc lập đến biến phụ thuộc

Bảng 7. Bảng kiểm định ảnh hưởng của môi trường giáo dục thông qua vốn xã hội đến ý định khởi nghiệp

Coefficients ^a										
Model	Unstandardized Coefficients			Standardized Coefficients		Correlations			Collinearity Statistics	
	B	Std. Error		Beta	t	Sig.	Zero-order	Partial	Tolerance	VIF
1 (Constant)	-1.953	.563			-3.471	.001				
VKK	.534	.397	.616	.134	.180	.854	.095	.062	.008	1.889
VKT	.978	.491	.205	.990	.048	.628	.140	.092	.006	1.448
VQH	.221	.641	.272	.344	.731	.615	.024	.016	.003	1.045
VTC	.040	.579	.050	.069	.945	.598	.005	.003	.004	1.197
VCT	.275	.467	.405	.661	.088	.631	.117	.077	.006	1.363
DT1	.083	.101	.350	.825	.410	.735	.059	.038	.003	1.079
DT2	.258	.124	.039	.078	.039	.719	.146	.096	.002	1.900
DT3	.077	.159	.393	.484	.629	.711	.034	.022	.001	1.607
DT4	.010	.142	.211	.072	.943	.692	.005	.003	.002	1.562
DT5	.191	.116	.137	.644	.202	.688	.116	.076	.002	1.105
GD	.181	.182	.010	.995	.321	.689	.071	.046	.048	1.942

a. Dependent Variable: TD

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Kết quả cho thấy môi trường giáo dục có tác động tích cực tới mối quan hệ giữa VKT và TDKN (Do VIF < 2 và hệ số Sig. < 0,05) mà còn không có tác động trong các mối quan hệ giữa các thành tố khác của vốn xã hội tới TDKN. Điều này hàm ý rằng với sinh viên môi trường giáo dục sẽ tác động thúc đẩy thái độ và ý định khởi nghiệp trong tương quan với cảm nhận tính khả thi của dự án kinh doanh.

Giả thuyết H6: Môi trường giáo dục đại học có ảnh hưởng dương đến ý định khởi nghiệp của sinh viên thông qua tất cả các yếu tố của vốn xã hội => Không chấp nhận

5. KẾT QUẢ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình kiểm định có chút chưa phù hợp với mô hình đề xuất, trong đó mức độ quan trọng của các yếu tố độc lập ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên xếp theo thứ tự giảm dần (không xét về dấu) lần lượt như sau: (1) vốn nhận thức sự khát khao, (2) vốn tài chính, (3) vốn quan hệ, (4) vốn

nhận thức sự khả thi, (5) vốn cấu trúc. Qua đó, mô hình giải thích được sự biến thiên của biến phụ thuộc. Ngoài ra, dưới sự điều tiết của biến môi trường giáo dục tinh thần khởi nghiệp chỉ có biến độc lập vốn cảm nhận sự khả thi tác động tương quan tích cực tới thái độ và ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội..

Từ kết quả nghiên cứu này, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp như sau

Đối với sinh viên: Trước khi khởi nghiệp sinh viên cần phải hình thành động lực thông qua nhận thức tính hấp dẫn của cơ hội khởi nghiệp, đánh giá năng lực khởi nghiệp, cùng với đó là nâng cao khả năng nhận thức kiểm soát của bản thân, từ đó tạo ra động lực, kích thích sinh viên sáng tạo ý tưởng cộng với đam mê thông qua hành động cụ thể để thực hiện những ý định khởi nghiệp đó. Ngoài ra để trở thành doanh nhân, cá nhân sinh viên cần phải tích cực học tập, trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, đồng thời tích lũy nguồn vốn cũng như tham gia tìm kiếm những nguồn hỗ trợ để có thể khởi nghiệp trong tương lai gần.

Đối với trường đại học: Đổi mới các chương trình đào tạo, khuyến khích sinh viên tìm hiểu về công việc kinh doanh, khởi sự kinh doanh và nâng cao năng lực. Hướng dẫn cho các sinh viên về kỹ năng khởi sự doanh nghiệp để các sinh viên có thể tự tạo việc làm bằng cách kết hợp sử dụng chuyên môn của mình khởi sự trong ngành, lĩnh vực mà mình có chuyên sâu. Hơn nữa, cần khuyến khích và tạo cơ hội để sinh viên được theo đuổi ý tưởng của riêng mình; trang bị cơ sở hạ tầng về mặt chức năng (phòng học, máy móc, trang thiết bị phục vụ tư vấn, thông tin, giảng dạy...) hỗ trợ tốt cho việc khởi nghiệp, thành lập các câu lạc bộ khởi nghiệp hỗ trợ sinh viên nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội được trao đổi, nhận thức và thực hành kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng liên quan đến nghệ thuật lãnh đạo, điều hành, quản lý nhóm.

Đối với xã hội: Cần thiết lập chính sách, thể chế, môi trường hỗ trợ thuận lợi cho các doanh nghiệp mới. Nhà nước cần hoàn thiện môi trường khởi nghiệp bằng cách cải thiện các điều kiện kinh doanh, giảm thiểu các thủ tục hành chính phức tạp, minh bạch hóa các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để người làm kinh doanh có thể tiếp cận các thông tin và sự trợ giúp, tăng cường sự hỗ trợ tài chính cho hoạt động khởi nghiệp thông qua các nhà tài trợ, các quỹ đầu tư cho khởi nghiệp, các vườn ươm doanh nghiệp để trợ giúp tích cực cho quá trình đào tạo và thúc đẩy ý định khởi nghiệp...Ngoài ra nên tăng cường tuyên truyền các tấm gương doanh nhân tiêu biểu, thành đạt, các điển hình doanh nhân vượt khó, kiên định với mục tiêu kinh doanh và biết cách khắc phục những khó khăn trong kinh doanh, năng động đổi mới sáng tạo để duy trì công việc kinh doanh để sinh viên có khát khao làm giàu, có động lực hành động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mong Ngọc, 2008. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (tập 2)*. NXB Hồng Đức.
- [2]. Hoàng Bá Thịnh, 2009. *Vốn xã hội, mạng lưới xã hội và những phí tổn*, Tạp chí xã hội, số 1,42-51.
- [3]. <https://tiasang.com.vn/-dien-dan/ban-ve-von-xa-hoi-1823>
- [4]. Nguyễn Trọng Hoài, Huỳnh Thanh Diễn, 2010. *Xây dựng khung phân tích vốn xã hội trong DN cho điều kiện Việt Nam, tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm*. Tạp chí Phát triển và hội nhập, số 6.
- [5]. Phan Anh Tú, Giang Thị Cẩm Tiên, 2015. *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp: Trường hợp sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 38, 59- 66.
- [6]. Trần Hữu Quang, 2006. *Tìm hiểu khái niệm vốn xã hội*. Tạp chí Khoa học xã hội, số 7,74-78
- [7]. <https://sinhvientot.net/huong-dan-cach-ghi-tai-lieu-tham-khao>
- [8]. Trần Hữu Dũng, 2003. *Vốn xã hội và kinh tế*. Thời đại số 8,82-102.
- [9]. Nguyễn Tuấn Anh. *VXH và sự cần thiết nghiên cứu VXH ở nông thôn Việt Nam hiện nay*. <http://tainguyenso.vnu.edu.vn/>
- [10]. Adler P., Kwon S, 2002. *Social capital: prospects for a new concept*. Academy of Management Review, 27 No. 1, pp. 17-40.
- [11]. Ajzen I., 1991. *The theory of planned behavior*. Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50, 179-211.
- [12]. Autio E., Keeley R. H., Klofsten M., Parker G. G. C., Hay M. 2001. *Entrepreneurial Intent among Students in Scandinavia and in the USA*. Enterprise & Innovation Management Studies, 2(2), 145-160.
- [13]. Chu Y., 2015. *Resilience capabilities in the face of environmental turbulence: A case of Hong Kong small to medium enterprises*.
- [14]. Coleman J. S., 1994. *Social capital, human capital, and investment in youth*. Youth unemployment and society, 34.
- [15]. Dasgupta P., 2000. *Economic progress and the idea of social capital*. Social capital: A multifaceted perspective, 325-424.
- [16]. Linan F., Chen Y.W., 2009. *Development and Cross-Cultural Application of a Specific Instrument to Measure Entrepreneurial Intentions*. Entrepreneurship: Theory & Practice, 33(3), 593-617.
- [17]. Linan F., Rodríguez-Cohard J., Rueda-Cantuche J., 2011. *Factors affecting entrepreneurial intention levels: a role for education*. International Entrepreneurship and Management Journal, 7(2), 195-218.
- [18]. Luthje C., Franke N., 2003. *The 'making' of an entrepreneur: Testing a model of entrepreneurial intent among engineering students at MIT*. R&D Management, 33(2), 135.
- [19]. Frank K. Sonnenberg, 1990. *How to reap the benefits of networking*. The Journal of Business Strategy, January/February, pp. 59-62.
- [20]. Putnam Robert, 1995. *Bowling Alone: Americas Declining Social Capital*. Journal of Democracy 6: 65-78.
- [21]. Putnam Robert, 2000. *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*. New York: Simon and Schuster.